

Ba Đình, ngày 01 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ

**Đánh giá, xếp hạng trang thông tin điện tử các đơn vị
thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo quận Ba Đình tháng 11 năm 2021**

Quy định cách tính **điểm đánh giá**:

- Mỗi bài đăng được tính quy đổi thành 05 điểm;

- Mỗi 05 lượt truy cập được tính quy đổi thành 01 điểm;

Xếp hạng trang thông tin điện tử các đơn vị theo thứ tự điểm đánh giá từ cao xuống thấp.

I. ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG THEO CẤP HỌC

1. Cấp Mầm non

TT	Trường	Số lượng bài đăng và xếp hạng tháng		Số lượng truy cập và xếp hạng tháng		Điểm đánh giá, xếp hạng tổng		Ghi chú	
		Số lượng	Xếp hạng	Số lượng	Xếp hạng	Điểm đánh giá	Xếp hạng	Xếp hạng tháng trước	Thăng hạng
1	Mầm non Hoa Hướng Dương	176	1	17074	1	4295	1	1	0
2	Mầm non Họa Mi	106	4	8664	2	2263	2	6	4
3	Mầm non A	61	10	8429	3	1991	3	11	8
4	Mầm non Tuổi Thơ	96	5	6911	5	1862	4	3	1
5	Mầm non số 7	65	7	7127	4	1750	5	5	0
6	Mầm non số 5	95	6	6078	6	1691	6	7	1
7	Mầm non Tuổi Hoa	123	3	5278	9	1671	7	4	-3
8	Mầm non Thành Công	135	2	4501	11	1575	8	14	6
9	Mầm non số 3	60	11	6065	7	1513	9	2	-7
10	Mầm non số 10	39	15	5458	8	1287	10	16	6
11	Mầm non Sao Mai	29	18	4465	12	1038	11	19	8
12	Mầm non số 9	63	9	3592	13	1033	12	12	0
13	Mầm non 1/6	14	20	4537	10	977	13	10	-3
14	Mầm non Hoa Đào	65	8	3055	16	936	14	8	-6
15	Mầm non Hoa Hồng	58	12	3168	15	924	15	18	3
16	Mầm non Chim Non	35	16	3305	14	836	16	9	-7
17	Mầm non số 8	54	13	2015	18	673	17	17	0
18	Mầm non số 2	30	17	2502	17	650	18	13	-5
19	Mầm non Hoa Mai	26	19	1667	19	463	19	20	1
20	Mầm non Số 6	41	14	1245	20	454	20	15	-5
Tổng cộng		867		56931					

2. Cấp Tiểu học

TT	Trường	Số lượng bài đăng và xếp hạng		Số lượng truy cập và xếp hạng		Điểm đánh giá, xếp hạng tổng		Điểm xếp hàng tổng tháng trước	Thăng hạng
		Số lượng	Xếp hạng	Số lượng	Xếp hạng	Điểm đánh giá	Xếp hạng		
1	TH Kim Đồng	89	7	42434	1	8932	1	1	0
2	TH Thành Công A	136	1	31523	2	6985	2	5	3
3	TH Thủ Lệ	72	9	25250	3	5410	3	4	1
4	TH Nguyễn Trung Trực	102	6	19561	5	4422	4	6	2
5	TH Ba Đình	51	12	20118	4	4279	5	16	11
6	TH Ngọc Khánh	68	10	19530	6	4246	6	2	-4
7	TH Hoàng Diệu	124	2	17983	8	4217	7	3	-4
8	TH Đại Yên	44	13	18917	7	4003	8	10	2
9	TH Thành Công B	24	16	17530	9	3626	9	12	3
10	TH Nghĩa Dũng	86	8	15914	10	3613	10	11	1
11	TH Phan Chu Trinh	112	5	12695	11	3099	11	9	-2
12	TH Việt Nam - Cu Ba	31	15	12453	12	2646	12	7	-5
13	TH Hoàng Hoa Thám	124	3	9957	13	2611	13	17	4
14	TH Nguyễn Bá Ngọc	123	4	8793	16	2374	14	8	-6
15	TH Vạn Phúc	56	11	9510	14	2182	15	13	-2
16	TH Nguyễn Tri Phương	24	17	9017	15	1923	16	15	-1
17	TH Ngọc Hà	35	14	6524	17	1480	17	14	-3
18	Tiểu học Hà Nội	21	18	2529	18	611	18	18	0
Tổng cộng		1322		300238					

3. Cấp THCS

TT	Trường	Số lượng bài đăng và xếp hạng		Số lượng truy cập và xếp hạng		Điểm đánh giá, xếp hạng tổng		Điểm xếp hàng tổng tháng trước	Thăng hạng
		Số lượng	Xếp hạng	Số lượng	Xếp hạng	Điểm đánh giá	Xếp hạng		
1	THCS Thăng Long	55	2	31598	1	6595	1	2	1
2	THCS Giảng Võ	7	11	20599	2	4155	2	1	-1
3	THCS Nguyễn Trãi	120	1	16980	4	3996	3	3	0
4	THCS Thành Công	38	5	17168	3	3624	4	5	1
5	THCS Nguyễn Tri Phương	44	4	13558	5	2932	5	4	-1
6	THCS Mạc Đĩnh Chi	34	6	10985	6	2367	6	6	0
7	THCS Hoàng Hoa Thám	34	7	10182	7	2206	7	7	0
8	THCS Phan Chu Trinh	50	3	9215	8	2093	8	10	2
9	THCS Ba Đình	18	9	7787	9	1647	9	9	0
10	THCS Nguyễn Công Trứ	20	8	5738	10	1248	10	8	-2
11	THCS Thống Nhất	14	10	2588	11	588	11	11	0
12	THCS Phúc xá	5	12	2018	12	429	12	12	0
Tổng cộng		439		148416					

II. ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG TOÀN NGÀNH

TT	Trường	Số lượng bài đăng và xếp hạng		Số lượng truy cập và xếp hạng		Điểm đánh giá, xếp hạng tổng		Điểm xếp hạng tổng tháng trước	Thăng hạng
		Số lượng	Xếp hạng	Số lượng	Xếp hạng	Điểm đánh giá	Xếp hạng		
1	TH Kim Đồng	89	15	42434	1	8932	1	1	0
2	TH Thành Công A	136	3	31523	3	6985	2	11	9
3	THCS Thăng Long	55	26	31598	2	6595	3	4	1
4	TH Thủ Lệ	72	17	25250	4	5410	4	10	6
5	Phòng GDĐT quận	889	1	3428	41	5131	5	6	1
6	TH Nguyễn Trung Trực	102	12	19561	7	4422	6	12	6
7	Mầm non Hoa Hướng Dương	176	2	17074	13	4295	7	14	7
8	TH Ba Đình	51	28	20118	6	4279	8	31	23
9	TH Ngọc Khánh	68	18	19530	8	4246	9	2	-7
10	TH Hoàng Diệu	124	5	17983	10	4217	10	7	-3
11	THCS Giảng Võ	7	50	20599	5	4155	11	3	-8
12	TH Đại Yên	44	31	18917	9	4003	12	19	7
13	THCS Nguyễn Trãi	120	9	16980	14	3996	13	5	-8
14	TH Thành Công B	24	43	17530	11	3626	14	24	10
15	THCS Thành Công	38	34	17168	12	3624	15	9	-6
16	TH Nghĩa Dũng	86	16	15914	15	3613	16	21	5
17	TH Phan Chu Trinh	112	10	12695	17	3099	17	16	-1
18	THCS Nguyễn Tri Phương	44	30	13558	16	2932	18	8	-10
19	TH Việt Nam - Cu Ba	31	39	12453	18	2646	19	13	-6
20	TH Hoàng Hoa Thám	124	6	9957	21	2611	20	35	15
21	TH Nguyễn Bá Ngọc	123	7	8793	25	2374	21	15	-6
22	THCS Mạc Đĩnh Chi	34	37	10985	19	2367	22	17	-5
23	Mầm non Hòa Mi	106	11	8664	26	2263	23	30	7
24	THCS Hoàng Hoa Thám	34	38	10182	20	2206	24	22	-2
25	TH Vạn Phúc	56	25	9510	22	2182	25	25	0
26	THCS Phan Chu Trinh	50	29	9215	23	2093	26	37	11
27	Mầm non A	61	22	8429	27	1991	27	39	12
28	TH Nguyễn Tri Phương	24	44	9017	24	1923	28	28	0
29	Mầm non Tuổi Thơ	96	13	6911	30	1862	29	20	-9
30	Mầm non số 7	65	19	7127	29	1750	30	26	-4
31	Mầm non số 5	95	14	6078	32	1691	31	33	2
32	Mầm non Tuổi Hoa	123	8	5278	36	1671	32	23	-9
33	THCS Ba Đình	18	47	7787	28	1647	33	32	-1
34	Mầm non Thành Công	135	4	4501	38	1575	34	42	8
35	Mầm non số 3	60	23	6065	33	1513	35	18	-17
36	TH Ngọc Hà	35	35	6524	31	1480	36	27	-9
37	Mầm non số 10	39	33	5458	35	1287	37	44	7
38	THCS Nguyễn Công Trứ	20	46	5738	34	1248	38	29	-9
39	Mầm non Sao Mai	29	41	4465	39	1038	39	50	11
40	Mầm non số 9	63	21	3592	40	1033	40	40	0
41	Mầm non 1/6	14	48	4537	37	977	41	38	-3
42	Mầm non Hoa Đào	65	20	3055	44	936	42	34	-8
43	Mầm non Hoa Hồng	58	24	3168	43	924	43	47	4

44	Mầm non Chim Non	35	36	3305	42	836	44	36	-8
45	Mầm non số 8	54	27	2015	49	673	45	45	0
46	Mầm non số 2	30	40	2502	47	650	46	41	-5
47	Tiểu học Hà Nội	21	45	2529	46	611	47	46	-1
48	THCS Thống Nhất	14	49	2588	45	588	48	48	0
49	Mầm non Hoa Mai	26	42	1667	50	463	49	51	2
50	Mầm non số 6	41	32	1245	51	454	50	43	-7
51	THCS Phúc xá	5	51	2018	48	429	51	49	-2
Tổng cộng		4.021		557218					

Nơi nhận:

- Các học thuộc quận;
- Đ/c Trưởng phòng;
- Các đ/c Phó Trưởng phòng;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Đức Thuận